

Số: 73/2022/QĐST-HNGĐ

TP. NB, ngày 01 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị X**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 132, đường V, phố 8, phường V, thành phố NB.

- **Bị đơn: Anh Phạm Quốc L**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 132, đường V, phố 8, phường V, thành phố NB.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị X và anh Phạm Quốc L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trịnh Thị X và anh Phạm Quốc L có 02 con chung là cháu Phạm Thị Thùy L1, sinh ngày 27/01/2003 và cháu Phạm Linh T, sinh ngày 29/9/2007. Cháu L1 đã đủ 18 tuổi tự lập được cuộc sống, không đề nghị Tòa án giải

quyết. Giao cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T đến khi cháu T thành niên đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh Phạm Quốc L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Phạm Quốc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị X và anh Phạm Quốc L không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về công nợ chung: Chị Trịnh Thị X và anh Phạm Quốc L tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị X nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Số tiền án phí chị X phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0000777 ngày 11/01/2022 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố NB, tỉnh NB; chị X được hoàn lại số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND TP NB;
- THADS TP NB;
- Các đương sự;
- UBND phường V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Phạm Diệu Oanh
(ĐÃ KÝ)

